

Bản án số: 03/2022/DS-ST

Ngày: 10/01/2022

Về việc: “Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hoá”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHỤNG HIỆP, TỈNH HẬU GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Tiến Dũng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Thành Quyền

2. Ông Nguyễn Văn Dương

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Mỹ Chi – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phụng Hiệp tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Hiền – Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 01 năm 2022 tại Tòa án nhân dân huyện Phụng Hiệp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 162/2020/TLST-DS ngày 06 tháng 11 năm 2020, về tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hoá, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 38A/2021/QĐXXST-DS ngày 07 tháng 05 năm 2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên P

Địa chỉ: Số 38 ấp B, xã Đại T, thành phố N, tỉnh H

Người đại diện theo pháp luật: Bà Thái Nhị P – Chức vụ: Giám đốc

Địa chỉ: E1-31 Nguyễn Thị S, KDC 586, phường Phú T, quận C, thành phố C (có mặt)

Bị đơn: 1.1. Ông Trần Thanh D, sinh năm: 1954; Địa chỉ: ấp L, xã Long T, huyện P, tỉnh H (có mặt)

1.2. Bà Nguyễn Thị T, sinh năm: 1956; Địa chỉ: ấp L, xã Long T, huyện P, tỉnh

H (vắng mặt)

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: ông Thạch Hùng S, sinh năm: 1957;
Địa chỉ: số 232/9 đường 30/4, phường H, quận N, thành phố C (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 20/8/2020, các lời khai trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa đại diện nguyên đơn bà Thái Nhị P trình bày:

Từ năm 2010 Công ty TNHH hai thành viên P nhiều lần bán thức ăn nuôi cá Tra cho ông Trần Thanh D và bà Nguyễn Thị T (vợ ông D), với tổng số tiền 851.900.000 đồng nhưng ông D và bà T chỉ thanh toán được số tiền là 512.615.000 đồng, còn nợ lại 339.285.000 đồng. Vào ngày 07/05/2011 ông Thạch Hùng S là Phó Giám đốc Công ty TNHH hai thành viên P và bà Nguyễn Thị T có ký hợp đồng bán cá Tra cho Công ty A, theo thỏa thuận Công ty TNHH hai thành viên P sẽ nhận tiền bán cá và sau khi trừ nợ tiền mua thức ăn cho cá thì số tiền còn lại sẽ giao cho bà T, nhưng thực tế là ông D và bà T trực tiếp bán cá cho Công ty A vì giữa Công ty TNHH hai thành viên P với ông D, bà T không thống nhất được giá bán cá Tra cũng như lựa chọn Công ty mua cá Tra.

Sau nhiều lần nhắc nhở trả tiền thì đến ngày 8/9/2013, ông D và bà T viết biên nhận thừa nhận còn nợ Công ty TNHH hai thành viên P tổng số tiền 339.285.000 đồng, nhưng đến nay vẫn chưa trả nợ cho Công ty TNHH hai thành viên P.

Nay Công ty TNHH hai thành viên P khởi kiện yêu cầu ông Trần Thanh D và bà Nguyễn Thị T có trách nhiệm trả tổng số nợ là 641.587.935 đồng, trong đó nợ gốc 339.285.000 đồng, lãi tính từ ngày 21/04/2011 đến khi khởi kiện là 302.302.935 đồng (cách tính lãi $339.285.000 \text{ đồng} \times 0,9\% \times 99 \text{ tháng} = 302.302.935 \text{ đồng}$).

Quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Trần Thanh D và bà Nguyễn Thị T thống nhất trình bày:

Vào năm 2010, 2011 ông D, bà T có mua thức ăn cho cá Tra của Công ty TNHH hai thành viên P số lượng 70 tấn với số tiền khoảng 800.000.000 đồng, đến tháng 03/2011 Công ty Phúc S đứng ra bán cá của ông D, bà T với Công ty A, Công ty P nhận tiền sau khi trừ số tiền mua thức ăn thì sẽ giao số tiền còn lại cho ông D, bà T, việc thỏa thuận có lập biên bản uỷ quyền ngày 04/12/2010. Đến lúc kéo cá bán thì được 48,2 tấn, giá 29.000 đồng/kg, với số tiền khoảng 1.400.000.000 đồng số tiền này Công ty P nhận trực tiếp của Công ty A, sau đó Công ty TNHH hai thành viên P có đưa lại cho ông D, bà T số tiền 110.000.000 đồng, còn nợ lại 490.000.000 đồng, do làm ăn thua lỗ nên ông D, bà T có bỏ địa phương đi một thời gian, nay không biết vì

sao Công ty TNHH hai thành viên P lại kiện ông D, bà T. Ông D, bà T không yêu cầu Công ty TNHH hai thành viên P trả 490.000.000 đồng bởi hai bên đều làm ăn thua lỗ.

Đối với biên nhận nợ ngày 8/9/2013 do ông D và bà T ký vì đây là tiền mua thức ăn cho cá Tra còn thiếu với số tiền 339.285.000 đồng, lý do khi Công ty TNHH hai thành viên P bán cá thì Công ty A chưa trả đủ tiền và vì ông D, bà T có thể chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho Công ty TNHH hai thành viên P nên buộc làm biên nhận nợ. Sau đó được biết Công ty A phá sản, việc công ty A đã trả bao nhiêu tiền mua cá cho Công ty TNHH hai thành viên P và còn nợ hay không thì ông D, bà T không biết. Vì ông D, bà T đã uỷ quyền cho Công ty TNHH hai thành viên P bán cá cho Công ty A nên ông D, bà T không đồng ý trả 641.587.935 đồng gồm gốc và lãi cho Công ty TNHH hai thành viên P.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: ông Thạch Hùng S trình bày:

Ông Thạch Hùng S là Phó Giám đốc Công ty TNHH hai thành viên P, khi ông S và bà T có mặt tại Công ty A, bà T trình bày hoàn cảnh khó khăn, nợ tiền cá giống nên ông S đại diện Công ty TNHH hai thành viên P đã chia sẽ giúp bà T thanh toán nợ, cụ thể ngày 17/5/2011 chi 10.000.000 đồng, ngày 25/5/2011 chi 50.000.000 đồng, ngày 18/6/2011 chi 50.000.000 đồng và ngày 28/6/2011 chi 1.000.000 đồng, tổng cộng 111.000.000 đồng. Đối với số tiền này ông S không có ý kiến gì.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phụng Hiệp phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay thì Thẩm phán, Hội đồng xét xử thực hiện đúng trình tự thủ tục tố tụng; nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định của pháp luật; riêng bị đơn bà Nguyễn Thị Tuyền vắng mặt, không lý do là chưa chấp hành đúng theo quy định của pháp luật. Do đó đề nghị Hội đồng xét xử vẫn tiếp tục giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Về nội dung: đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 150, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 428, 429, 431, 438 Bộ luật dân sự 2005; các Điều 430, 431, 433, 440, 468 Bộ luật dân sự 2015 và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty TNHH hai thành viên P. Buộc bị đơn ông Trần Thanh D và bị đơn bà Nguyễn Thị T có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn tổng số tiền 641.587.935 đồng (trong đó nợ gốc 339.285.000 đồng và tiền lãi là 302.302.935 đồng).

Về án phí: Bị đơn Trần Thanh D và bị đơn Nguyễn Thị T thuộc trường hợp người cao tuổi nên được miễn nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật đối với yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận.

Nguyên đơn được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp đối với yêu cầu của nguyên đơn được Toà án chấp nhận

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Công ty TNHH hai thành viên P yêu cầu ông Trần Thanh D, bà Nguyễn Thị T trả tiền nợ mua thức ăn cho cá. Nên xác định quan hệ pháp luật là “Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hoá” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

Bị đơn bà Nguyễn Thị T đã được Tòa án nhân dân huyện Phụng Hiệp triệu tập hợp lệ đến phiên tòa xét xử nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt. Theo quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung: Xét yêu cầu của nguyên đơn thấy rằng, kèm theo đơn khởi kiện Công ty TNHH hai thành viên P đã cung cấp được bản chính biên nhận nợ ngày 8/9/2013 thể hiện ông Trần Thanh D và bà Nguyễn Thị T có mua thức ăn của Công ty TNHH hai thành viên P để nuôi cá Tra từ ngày 20 tháng 8 năm 2011 đến nay vẫn còn nợ Công ty số tiền 339.285.000 đồng, tuy nhiên hiện tại ông D và bà T vẫn chưa trả số nợ trên. Quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông D và bà T cũng thừa nhận có ký tên vào biên nhận nợ ngày 8/9/2013, nhưng cho rằng vào ngày 04/12/2010 đã ký văn bản uỷ quyền cho Công ty TNHH hai thành viên P được bán cá để trừ nợ tiền mua thức ăn cho cá và Công ty TNHH hai thành viên P đã bán cá cho Công ty A ngày 7/5/2011 và có đưa cho ông D, bà T 110.000.000 đồng, nên thực tế ông D và bà T không còn nợ tiền Công ty TNHH hai thành viên P.

[3] Hội đồng xét xử thấy rằng lời trình bày của ông D và bà T là không có căn cứ, bởi lẽ văn bản thoả thuận uỷ quyền cho Công ty TNHH hai thành viên P bán cá ngày 04/12/2010 thể hiện chỉ bán 01 áo cá, ngày bán cá là khoảng tháng 03/2011 và hợp đồng mua bán cá giữa bà T, Công ty TNHH hai thành viên P và Công ty A được xác lập ngày 7/5/2011. Còn biên nhận nợ ngày 8/9/2013 thì thể hiện “*ông Trần Thanh D và bà Nguyễn Thị T có mua thức ăn của Công ty TNHH hai thành viên P để nuôi cá Tra từ ngày 20 tháng 8 năm 2011 đến nay*, tức là ngày đối chiếu công nợ là ngày 8/9/2013, điều đó chứng tỏ khi hai bên xác lập biên nhận nợ là khi văn bản uỷ quyền ngày 04/12/2010 và hợp đồng mua bán ngày 7/5/2011 đã kết thúc. Ông D và bà T cũng đã thừa nhận ký tên biên nhận nợ ngày 8/9/2013 và không giao nộp được các chứng cứ chứng minh cho lời trình bày của ông D và bà T. Do đó có căn cứ để Hội

đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với số nợ gốc là 339.285.000 đồng.

[4] Xét yêu cầu tính lãi, phía nguyên đơn yêu cầu số tiền lãi 302.302.935 đồng, Hội đồng xét xử thấy rằng, nguyên đơn yêu cầu lãi suất 0,9%/tháng là thấp hơn mức lãi suất theo quy định của pháp luật; còn về thời gian tính lãi 99 tháng là cũng có lợi cho bị đơn. Bởi lẽ nếu nguyên đơn yêu cầu tính lãi từ ngày 8/9/2013 (đối chiếu công nợ) đến ngày xét xử 10/01/2022 thì sẽ là 100 tháng 02 ngày. Vì nguyên đơn yêu cầu số tiền lãi là có lợi cho bị đơn, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Thạch Hùng S trình bày có đại diện Công ty TNHH hai thành viên P đưa cho ông D, bà T tổng cộng số tiền 111.000.000 đồng vào năm 2011 để trả tiền cá giống và số tiền này không liên quan đến biên nhận nợ ngày 8/9/2013, nhưng do ông S và Công ty TNHH hai thành viên P không có ý kiến hay yêu cầu gì về số tiền này, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] Từ những nhận định nêu trên thì tổng số tiền mà bị đơn có trách nhiệm trả cho nguyên đơn là 641.587.935 đồng, trong đó nợ gốc 339.285.000 đồng và tiền lãi 302.302.935 đồng.

[7] Án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn là người cao tuổi nên được miễn án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 428, 429, 438, 476 Bộ luật dân sự 2005; các Điều 430, 431, 440, 468 Bộ luật dân sự 2015; Các Điều 35, 147, 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên P

Buộc ông Trần Thanh D và bà Nguyễn Thị T có trách nhiệm trả cho Công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên P tổng số tiền 641.587.935 đồng, trong đó nợ gốc 339.285.000 đồng và tiền lãi 302.302.935 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu

khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự.

Án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn ông Trần Thanh D và bà Nguyễn Thị T là người cao tuổi nên được miễn án phí theo quy định của pháp luật. Hoàn trả lại cho Công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên P 7.416.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0005992 ngày 06/11/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang.

“Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án dân sự, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự, Điều 7a Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hậu Giang;
- VKSND h. Phụng Hiệp;
- THA h. Phụng Hiệp;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Tiến Dũng